

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 - GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30/12/2025

Về việc: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phan Huy Viễn.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Trần Văn Thảo.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Oanh.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tình – Thư ký
Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Gia Lai tham gia phiên
tòa:** Ông Phạm Hồng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia
Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 144/2025/TLST-HNGĐ,
ngày 30 tháng 10 năm 2025, về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số: 41/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025 và Quyết định
hoãn phiên tòa số: 62/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 17 tháng 12 năm 2025, giữa các
đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1996 (căn cước công dân số
064196008331); Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường A, tỉnh Gia Lai – có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Đinh Hữu T, sinh năm 1994 (căn cước công dân số
064094000508); Địa chỉ: I T, tổ D T, phường A, tỉnh Gia Lai - vắng mặt lần thứ
hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo Đơn khởi kiện ngày 30/10/2025, bản tự khai và tại phiên tòa,
nguyên đơn là chị Lê Thị Mỹ H trình bày:** Tôi với anh Đinh Hữu T kết hôn với
nhau năm 2021, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, thị xã
A, tỉnh Gia Lai (nay là Ủy ban nhân dân phường A, tỉnh Gia Lai) cấp Giấy chứng
nhận kết hôn vào ngày 28/6/2021. Việc chúng tôi kết hôn với nhau là hoàn toàn
tự nguyện, trước khi kết hôn thì chúng tôi đã có sự tìm hiểu, yêu thương nhau và
được sự đồng ý của gia đình hai bên. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh
phúc được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên
cãi nhau dẫn đến rạn nứt tình cảm, mất hạnh phúc gia đình. Nguyên nhân là do
tôi với anh T không có sự thống nhất với nhau trong nhiều vấn đề của cuộc sống,
mỗi lần vợ chồng cãi nhau anh T lại mạt sát, xúc phạm tôi bằng những lời lẽ nặng
nề. Tôi đã cố gắng chịu đựng mong anh T sẽ thay đổi thế nhưng đến nay tình
hình vẫn như cũ, không có sự thay đổi tích cực nào từ phía anh T, vợ chồng cũng

đã sống ly thân từ tháng 10/2024 (bản thân tôi trở về nhà cha mẹ đẻ ở) và không còn quan tâm, chăm sóc gì cho nhau. Vừa rồi, anh T còn đe dọa đốt nhà cha mẹ tôi và thực tế anh T đã mua xăng cầm đến nhà nhưng nhờ có người báo trước nên tôi đã nhờ Công an phường A ngăn chặn kịp thời và chưa xảy ra hậu quả đáng tiếc nào. Nay tôi thấy giữa tôi và anh T đã thật sự không còn tình cảm gì với nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và không thể hàn gắn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống, tôi với anh T chưa có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn trong vụ án là anh Đinh Hữu T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho anh Đinh Hữu T nhưng anh T không đến Tòa án để làm việc, không cung cấp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Mỹ H cũng như các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 13 – Gia Lai đã tiến hành xác minh địa chỉ nơi cư trú cũng như tình trạng hôn nhân của anh Đinh Hữu T và chị Lê Thị Mỹ H vào ngày 19/11/2025, xác định: Anh Đinh Hữu T và chị Lê Thị Mỹ H là vợ chồng, sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại số nhà I T, tổ D T, phường A, tỉnh Gia Lai. Việc anh T và chị H có mâu thuẫn với nhau trong quá trình hôn nhân thì chính quyền địa phương cũng chỉ nghe nói chứ anh chị chưa khi nào yêu cầu chính quyền địa phương can thiệp, hòa giải. Hiện nay thì anh T vẫn sinh sống tại I T, tổ D T, phường A, tỉnh Gia Lai còn chị H đã bỏ về sinh sống tại nhà cha mẹ đẻ của chị ở phường A, tỉnh Gia Lai từ khoảng 01 năm nay.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Gia Lai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong việc xây dựng hồ sơ vụ án, tiến hành các thủ tục tố tụng; việc chấp hành pháp luật của các đương sự và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Tòa án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, các thủ tục tố tụng được đảm bảo đúng thời hạn theo đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật khi giải quyết vụ án, không có sai sót, vi phạm xảy ra.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ H và cho chị được ly hôn với anh Đinh Hữu T.

- Về con chung: Chị Lê Thị Mỹ H và anh Đinh Hữu T chưa có nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Lê Thị Mỹ H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn, chị Lê Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân khu vực 13 – Gia Lai giải quyết ly hôn với anh Đinh Hữu T nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, anh Đinh Hữu T có địa chỉ nơi cư trú tại I T, tổ D T, phường A, tỉnh Gia Lai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 – Gia Lai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định cho bị đơn là anh Đinh Hữu T nhưng anh không có mặt để tham gia tố tụng tại Tòa án. Chính vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đinh Hữu T theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ H và anh Đinh Hữu T kết hôn với nhau năm 2021, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai (nay là Ủy ban nhân dân phường A, tỉnh Gia Lai) cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/6/2021. Việc anh chị kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, trước khi kết hôn thì anh chị đã có sự tìm hiểu, yêu thương nhau và được sự đồng ý của gia đình hai bên. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau dẫn đến rạn nứt tình cảm, mất hạnh phúc gia đình. Nguyên nhân là do chị H với anh T không có sự thống nhất với nhau trong nhiều vấn đề của cuộc sống, mỗi lần vợ chồng cãi nhau anh T lại mạt sát, xúc phạm chị H bằng những lời lẽ nặng nề. Mặc dù chị H đã cố gắng chịu đựng mong anh T sẽ thay đổi thế nhưng đến nay tình hình vẫn như cũ, không có sự thay đổi tích cực nào từ phía anh T nên chị H1 đã trở về nhà cha mẹ để ở, vợ chồng anh chị cũng đã sống ly thân từ tháng 10/2024 và không còn quan tâm, chăm sóc gì cho nhau nữa. Vừa rồi, anh T còn đe dọa đốt nhà cha mẹ chị H và thực tế anh T đã mua xăng cầm đến nhà nhưng nhờ có người báo trước nên chị đã nhờ Công an phường A ngăn chặn kịp thời và chưa xảy ra hậu quả đáng tiếc nào. Nay chị H thấy giữa chị và anh T đã thật sự không còn tình cảm gì với nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và không thể hàn gắn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về phía bị đơn là anh Đinh Hữu T mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ nhưng anh không đến Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án. Việc không chấp hành của anh T thể hiện thái độ không tôn trọng pháp luật, không những từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh

của mình mà còn gây khó khăn, cản trở đối với Toà án trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh T đồng thời căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà cũng như xem xét ý kiến của nguyên đơn để quyết định về vụ án là hợp lý. Anh T phải chịu hậu quả của việc không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xem xét yêu cầu xin được ly hôn của chị Lê Thị Mỹ H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình đồng thời vợ chồng còn có nghĩa vụ chung sống với nhau. Tuy nhiên, qua xem xét những tài liệu, chứng cứ do chị Lê Thị Mỹ H cung cấp có thể thấy cuộc sống chung giữa chị và anh Đinh Hữu T đã thực sự không còn hạnh phúc, anh T thường xuyên chửi bới, đe dọa, xúc phạm chị H bằng những lời lẽ rất nặng nề; thậm chí anh T còn mua xăng dọa đốt nhà cha mẹ đẻ chị H nhưng may mắn sự việc được phát hiện và ngăn chặn kịp thời. Bản thân anh chị đã ly thân với nhau từ tháng 10/2024 và hiện nay cũng không còn quan tâm, chăm sóc gì cho nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng và không thể khắc phục, hàn gắn được. Như vậy, có thể thấy đời sống chung của anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H và cho chị được ly hôn với anh T là phù hợp.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Lê Thị Mỹ H và anh Đinh Hữu T chưa có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp và yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với nội dung vụ án là phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Chị Lê Thị Mỹ H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 235, 238, 264, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ H và cho chị được ly hôn với anh Đinh Hữu T.

2. Về án phí: Chị Lê Thị Mỹ H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0004496 ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh G; chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 13 – Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai
(Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13);
- Các đương sự;
- UBND phường An Khê, tỉnh Gia Lai
(để lưu hồ sơ đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phan Huy Viễn